TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 04 - 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu
Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 324/2021/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị P, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Số 625, ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thế P, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Số 625, ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Chị P có mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Võ Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P và anh P qua tìm hiểu đã tổ chức đám cưới năm 2000, đến ngày 10/02/2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh ra mâu thuẫn do anh P không chăm lo cuộc sống cho gia đình, từ đó bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau nên nên nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa, chị và anh P đã chấm dứt mối quan hệ vợ chồng khoảng tháng 7/2021 cho đến nay, hiện tại chị không còn chung sống với anh P nữa, chị cảm thấy hôn nhân của chị và anh P không khả năng hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị P có yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh P;

- Về con chung: Chị P và anh P chung sống có các con chung là Nguyễn Thị Xuân Tiên, sinh ngày 03/12/2000, Nguyễn Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 04/02/2003 và Nguyễn Minh Tú, sinh ngày 12/8/2007. Đối với cháu Tiên và cháu Nữ đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu xem xét về việc nuôi dưỡng. Đối với con chưa thành niên là Nguyễn Minh Tú, sinh ngày 12/8/2007, do ý kiến của cháu Tú muốn tiếp tục sống với anh P nên chị đồng ý để cho anh P nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tú hàng tháng là ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

- Về tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu xem xét giải quyết;

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Thế P là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay anh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị P về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thế P. Chị Võ Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Thế P.

- Về con chung: Nguyễn Thị Xuân Tiên, sinh ngày 03/12/2000 và Nguyễn Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 04/02/2003 đã thành niên tự lao động sinh sống được nên chị P không xem xét về việc nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Minh Tú, sinh ngày 12/8/2007 cho anh P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, ghi nhận chị P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là ½ mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước cho đến khi cháu Tú đủ 18 tuổi.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P trình bày không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Võ Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con chung với anh Nguyễn Thế P. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Phương được xác định vụ án có quan hệ pháp luật: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Anh Nguyễn Thế P bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Thế P là bị đơn trong vụ án được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị P và anh Nguyễn Thế P có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển 1, ngày 10 tháng 02 năm 2003 tại Ủy ban nhân xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của chị P và anh P là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị P trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là anh P không chăm lo cuộc sống gia đình từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh P chấm dứt mối quan hệ vợ chồng từ khoảng tháng 7 năm 2021 cho đến nay, hiện tại chị tình cảm vợ chồng không còn nữa. Chị P có yêu cầu ly hôn với anh P.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh P đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải về hôn nhân giữa chị P và anh P được, anh P lại bỏ mặc để cho chị P tự giải quyết, không có thiện chí hàn gắn và cũng không đến Tòa án để tham gia hòa giải.

Xét thấy, giữa chị P và anh P không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện tại, anh chị đã không còn chung sống với nhau nữa.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị P và anh P lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P để giải quyết cho chị P được ly hôn với anh P.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh P chung sống có các con chung là Nguyễn Thị Xuân Tiên, sinh ngày 03/12/2000, Nguyễn Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 04/02/2003 và Nguyễn Minh Tú, sinh ngày 12/8/2007. Đối với các con là Nguyễn Thị Xuân Tiên, Nguyễn Thị Ngọc Nữ đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét về việc nuôi dưỡng. Đối với con chưa thành niên là Nguyễn Minh Tú, sinh ngày 12/8/2007, do ý kiến của cháu Tú muốn sống với anh P, phía bên anh P không có ý kiến phản hồi gì, nên chị đồng ý để cho anh P tiếp tục nuôi cháu Tú. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét để cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Tú cho đến khi cháu Tú đủ 18 tuổi.

- Về việc cấp dưỡng cho con: Chị P có ý kiến có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tú mỗi tháng là ½ mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước cho đến khi cháu Tú đủ 18 tuổi.

Theo quy định, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Như vậy, căn cứ theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì mức lương tối thiểu là 1.490.000 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) nên chị P có ý kiến cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Về thời điểm cấp dưỡng từ khi Hội đồng xét xử quyết định cho chị P và anh P ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phương không tranh chấp, không yêu cầu xem xét giải quyết; đối với anh P thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này chị P và anh P có tranh chấp về tài sản chung được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị P trình bày chị và anh P không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh P thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh P có tranh chấp về nợ chung thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Về án phí cấp dưỡng chị P là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu 300.000 đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị P. Chị Võ Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Thế P.

2. Về con chung:

Đối với Nguyễn Thị Xuân Tiên, sinh ngày 03/12/2000 và Nguyễn Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 04/02/2003 đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không xem xét về việc nuôi dưỡng.

Giao con chung Nguyễn Minh Tú, sinh ngày 12/8/2007 cho anh Nguyễn Thế P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến cháu Tú đủ 18 tuổi.

Chị Võ Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là Nguyễn Minh Tú, sinh ngày 12/8/2007, theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng cho đến khi cháu Tú đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2022.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Chị Võ Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002147 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

- Chị Võ Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và còn phải nộp đủ số tiền này.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Huệ

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Huệ